

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN**

QUYẾT ĐỊNH số 72/2000/QĐ-BNN-KHCN

ngày 05/7/2000 về việc ban hành Quy chế Quản lý các chương trình và dự án trong nước do các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 73/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng các Vụ: Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm, Tài chính kế toán, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch và Quy hoạch, Đầu tư xây dựng cơ bản và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản lý các chương trình và dự án trong nước do các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các Cục, Vụ, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị khác có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGÔ THẾ DÂN

QUY CHẾ Quản lý các chương trình và dự án trong nước do các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện

(ban hành kèm theo Quyết định số 72/2000/QĐ-BNN-KHCN ngày 05/7/2000).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, yêu cầu.

1. Quy chế này ban hành nhằm mục đích:

- Thống nhất quản lý quá trình chuẩn bị và thực hiện các chương trình, dự án trong nước theo đúng các quy định của Nhà nước,

- Khuyến khích các cơ quan, tổ chức tham gia thực hiện các chương trình, dự án phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình,

- Tăng cường năng lực trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và đào tạo trong nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Yêu cầu: Sử dụng các nguồn vốn đầu tư trong nước do Nhà nước quản lý đạt hiệu quả cao nhất, chống tham ô, lãng phí.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

1. Quy chế này áp dụng cho tất cả các chương trình nghiên cứu, chương trình mục tiêu, các dự án điều tra cơ bản, xây dựng mô hình, sản xuất thử, thử nghiệm, dự án chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, các hợp đồng với các đối tác trong nước có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn và các dự án khác do đơn vị tự khai thác thông qua hợp đồng (sau đây gọi tắt là dự án).

2. Tất cả các đơn vị hành chính sự nghiệp, sự nghiệp kinh tế: các viện nghiên cứu, viện điều tra quy hoạch, các cơ sở đào tạo, các trung tâm, trạm, trại, các cục, vụ, ban... (sau đây gọi là đơn vị) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đều phải thực hiện theo Quy chế này.

3. Đơn vị quản lý dự án là các cơ quan của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục, Vụ, Ban) giúp Bộ trưởng quản lý các dự án thuộc lĩnh vực được phân công quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này. Đơn vị chủ trì dự án là đơn vị chủ đầu tư, trường hợp dự án chỉ do 1 đơn vị thực hiện thì đơn vị chủ trì dự án đồng thời là đơn vị thực hiện dự án; nếu dự án do nhiều đơn vị cùng tham gia thực hiện thì các đơn vị tham gia thực hiện dự án đều là đơn vị thực hiện dự án. Chủ dự án là người được giao trách nhiệm tổ chức thực hiện dự án do Bộ trưởng hoặc Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án quyết định theo sự phân cấp của Nhà nước.

Chương II**XÁC ĐỊNH, XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT DỰ ÁN****Điều 3. Xác định và xây dựng dự án.**

1. Mục tiêu và nội dung của dự án phải phù hợp với chiến lược, kế hoạch, các chương trình trọng điểm, các hướng ưu tiên của Nhà nước và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, đồng thời phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực chuyên môn của đơn vị thực hiện dự án.

2. Việc xây dựng dự án phải tuân theo các quy định và quy chế hiện hành cho từng loại dự án, có sự tham gia ý kiến của các Cục, Vụ chức năng theo phân công của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

3. Các dự án phải xây dựng theo mẫu thống nhất của Nhà nước, bảo đảm sử dụng tối đa các tài liệu liên quan đã có để tránh trùng lặp nội dung.

4. Các dự án do đơn vị tự khai thác thông qua Hợp đồng phải được sự đồng ý của Bộ mới được thực hiện.

Điều 4. Thẩm định và phê duyệt dự án.

1. Tất cả các dự án phải được thẩm định theo đúng quy định của Nhà nước đối với từng loại dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với những dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì đơn vị chủ trì dự án phải nộp đầy đủ hồ sơ dự án theo quy định của từng loại dự án cho các Vụ, Cục chức năng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này để thẩm định và trình Bộ phê duyệt.

3. Các dự án sử dụng nguồn kinh phí khác do đơn vị tự khai thác thông qua Hợp đồng kinh tế, việc thẩm định do cơ quan cung cấp kinh phí quy định, nhưng đơn vị chủ trì dự án phải báo cáo nội dung và kết quả phê duyệt dự án về Bộ qua các Vụ, Cục chức năng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

4. Phê duyệt và ký kết dự án phải tuân theo các quy định của Nhà nước về thẩm quyền phê duyệt dự án.

Chương III**TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN****Điều 5. Tổ chức thực hiện dự án.**

Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng mục tiêu, nội dung dự án đã được phê duyệt và các quy định hiện hành của Nhà nước. Sau khi dự án được phê duyệt, Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án dự kiến nhân sự, thống nhất với các Vụ, Cục có liên quan trình Bộ thành lập Ban điều hành dự án (hoặc ủy quyền cho đơn vị quyết định).

Điều 6. Quản lý dự án.

1. Nội dung quản lý dự án bao gồm: hướng dẫn xây dựng dự án, thẩm định nội dung và phê duyệt, kiểm tra thực hiện, đánh giá kết quả, tổ chức nghiệm thu bàn giao, quyết toán dự án và phê duyệt quyết toán.

2. Phân công quản lý dự án:

a) Vụ Khoa học Công nghệ và Chất lượng sản phẩm giúp Bộ trưởng quản lý và tổng hợp các dự án sử dụng kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ và các dự án có nội dung liên quan đến nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, môi trường và tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ.

b) Vụ Kế hoạch và Quy hoạch giúp Bộ trưởng quản lý các dự án sử dụng kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế và các dự án có nội dung liên quan đến điều tra cơ bản, đầu tư phát triển, quy hoạch và chịu trách nhiệm tổng hợp kế hoạch chung tất cả các dự án để báo cáo Bộ.

c) Vụ Đầu tư xây dựng cơ bản giúp Bộ trưởng quản lý và tổng hợp các dự án sử dụng kinh phí từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

d) Vụ Tổ chức cán bộ giúp Bộ trưởng quản lý và tổng hợp các dự án sử dụng kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp đào tạo và các dự án có nội dung liên quan đến đào tạo nguồn nhân lực, tổ chức bộ máy, cải cách hành chính.

e) Vụ Tài chính kế toán giúp Bộ trưởng quản lý các vấn đề về tài chính - kế toán của tất cả các

dự án; hướng dẫn các đơn vị thực hiện thu chi theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước, đồng thời đề xuất bổ sung hoặc sửa đổi các quy chế và định mức chi tiêu không còn phù hợp nhằm tạo điều kiện cho các đơn vị thực hiện dự án được thuận lợi và hiệu quả.

g) Thanh tra Bộ giúp Bộ trưởng về công tác thanh tra, kiểm tra các chương trình, dự án theo đúng chức năng quản lý nhà nước của Bộ và các quy định của pháp luật thanh tra, kiểm tra.

h) Các Cục: Phát triển lâm nghiệp, Khuyến nông khuyến lâm, Định canh định cư và Vùng kinh tế mới, Quản lý nước và Công trình thủy lợi, Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều, Bảo vệ thực vật, thú y,... quản lý các dự án thuộc phạm vi của đơn vị theo phân công của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi báo cáo định kỳ cho Vụ Kế hoạch - Quy hoạch để tổng hợp.

Điều 7. Quản lý tài chính dự án.

Việc quản lý tài chính dự án phải thực hiện theo đúng các chế độ Nhà nước hiện hành và Quy chế Quản lý tài chính của Bộ về các dự án trong các đơn vị hành chính sự nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 8. Quản lý vật tư và trang thiết bị của dự án.

Vật tư, trang thiết bị mua sắm cho hoạt động của dự án là sở hữu của Nhà nước và được quản lý theo các quy định hiện hành. Chủ dự án phải thành lập sổ sách theo dõi và sau khi kết thúc dự án bàn giao cho đơn vị thực hiện dự án.

Điều 9. Kiểm tra thực hiện dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tổ chức hoặc phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc kiểm tra đột xuất tình hình thực hiện và sử dụng kinh phí của các dự án.

6660471

Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án có trách nhiệm chuẩn bị và cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến dự án khi đoàn kiểm tra yêu cầu.

Điều 10. Nghiệm thu bàn giao và chế độ báo cáo.

1. Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án có trách nhiệm báo cáo Bộ về tiến độ thực hiện dự án 6 tháng một lần vào đầu tháng 7 và tháng 1 hàng năm cho các đơn vị được phân công tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

2. Khi dự án kết thúc, Chủ dự án và Thủ trưởng đơn vị chủ trì dự án phải tổ chức nghiệm thu, bàn giao theo đúng quy định cho từng loại dự án và gửi Báo cáo về Bộ qua các Cục, Vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này.

3. Các Vụ, Cục chức năng của Bộ phối hợp soạn thảo các mẫu báo cáo thống nhất cho từng loại dự án và hướng dẫn cho các đơn vị thực hiện.

Điều 11. Quản lý văn bản dự án.

Văn bản dự án được quản lý ở các Cục, Vụ chức năng quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy chế này và ở các đơn vị có liên quan theo yêu cầu của Bộ.

Điều 12. Quyền tác giả, đăng ký bản quyền.

Đối với các dự án là đề tài nghiên cứu khoa học, chỉ sau khi kết quả nghiên cứu được Hội đồng Khoa học công nghệ đánh giá nghiệm thu và Bộ phê duyệt mới được đăng ký quyền tác giả theo các quy định về bảo hộ quyền tác giả và sở hữu công nghiệp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các Cục, Vụ, các cơ quan quản lý và thực hiện dự án,

các đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Các quy định trước đây trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Trong quá trình thực hiện, nếu có điểm nào cần bổ sung, sửa đổi, yêu cầu phản ánh kịp thời về Bộ để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông Nghiệp và
Phát triển nông thôn
Thủ trưởng

NGÔ THẾ DÂN

BỘ TÀI CHÍNH

**THÔNG TƯ số 80/2000/TT-BTC ngày
31/7/2000 hướng dẫn xử lý thuốc
lá sản xuất trong nước không
dán tem bị tịch thu.**

*Căn cứ Quyết định số 175/1999/QĐ-TTg ngày
25/8/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc dán
tem thuốc lá sản xuất trong nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 133/1999/TTLT-
BTC-BTM-BCN ngày 16/11/1999 của liên Bộ Tài
chính, Thương mại, Công nghiệp về việc dán tem
thuốc lá sản xuất trong nước;*

*Sau khi đã có ý kiến thống nhất của Bộ Công
nghiệp và Bộ Thương mại, Bộ Tài chính hướng
dẫn xử lý thuốc lá sản xuất trong nước không dán
tem bị tịch thu như sau:*

I. QUẢN LÝ THUỐC LÁ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC KHÔNG DÁN TEM BỊ TỊCH THU

Theo quy định tại tiết 1.1 điểm 1 Phần III Thông